|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:12/11/2024 | Dạy | Ngày |  23-25/11/2024 |
| Tiết  | 2,3 |
| Lớp | 6C |

**BÀI 4**

**VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**( NGHỊ LUẬN VĂN HỌC)**

**Tiết 44,45,46 .ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**NGUYÊN HỒNG – NHÀ VĂN CỦA NHỮNG NGƯỜI CÙNG KHỔ -*Nguyễn Đăng Mạnh*-**

**I. MỤC TIÊU**

***1 Về kiến thức:***

- Một vài thông tin về nhà phê bình Nguyễn Đăng Mạnh

- Đặc điểm của văn bản nghị luận ( Nghị luận văn học) thể hiện qua nội dung, hình thức của văn bản

- Tuổi thơ cơ cực với nhiều cay đắng, tủi hờn của nhà văn Nguyên Hồng

***2Về năng lực:***

- Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực ngôn ngữ…

- Nhận biết được các đặc điểm của văn bản nghị luận văn học qua các văn bản đọc hiểu trong SGK

- Phân tích, so sánh được những điểm khác biệt cơ bản giữa văn bản nghị luận với một số kiểu văn bản đã học như thơ, truyện

***3 Về phẩm chất:***

- Nhân ái: Biết quan tâm, chia sẻ, yêu thương mọi người đặc biệt là những người bạn có hoàn cảnh khó khăn hơn mình

- Trung thực: chân thành, thẳng thắn với bạn bè, thành thật với thầy cô ,cha mẹ…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh về nhà văn Nguyên Hồng và nhà phê bình Nguyễn Đăng Mạnh.

- Bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**2.Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**Cách 1: GV nêu câu hỏi:+ SGK đã lưu ý em điều gì trước khi đọc văn bản *Nguyên Hồng – nhà văn của những người cùng khổ”* + Em nào đã đọc văn bản này ở nhà? + Trong văn bản này, tác giả nêu lên ý kiến gì? Có thể tìm thấy ý kiến ấy ở đâu?”Cách 2: - GV bắt đầu bằng việc gợi mở lại bài đọc *Trong lòng mẹ* của Nguyên Hồng vừa học ở bài 3. Từ đó, GV nêu vấn đề: “Qua văn bản *Trong lòng mẹ*, các em thấy Nguyên Hồng là người như thế nào? Em có ấn tượng gì sâu đậm nhất về con người Nguyên Hồng?”. **B2: Thực hiện nhiệm vụ****HS**- Đọc phần Kiến thức ngữ văn.- Xác định ý kiến được tác giả đề cập tới trong văn bản.**GV:**- Hướng dẫn HS quan sát và đọc. - Hỗ trợ nếu cần.**B3: Báo cáo thảo luận****GV**:- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).**HS**:- Trả lời câu hỏi của GV.- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào bài.+ Trong văn bản này, tác giả nêu vấn đề: Nguyên Hồng thực sự là nhà văn của những người lao động cùng khổ.+ Vấn đề này được nêu ngay ở nhan đề bài viết.Cách 1: Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài “Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu bài văn nghị luận *Nguyên Hồng – nhà văn của những người cùng khổ* của Nguyễn Đăng Mạnh để hiểu thêm về nhà văn Nguyên Hồng, tác giả của đoạn trích hồi kí *Trong lòng mẹ* mà các em đã được học ở bài 3”.Cách 2: Sau khi HS trả lời, GV dẫn vào bài “Để hiểu rõ hơn con người nhà văn Nguyên Hồng, hôm nay, chúng ta đọc hiểu văn bản *Nguyên Hồng – nhà văn của những người cùng khổ*. Khi đọc, các em chú ý xem tại sao văn bản này được coi là nghị luận văn học. | **Phần I. Kiến thức ngữ văn****1. Văn bản nghị luận**- VBNL là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó, ví dụ: “Bài thơ này rất hay” hoặc “Cần phải trồng nhiều cây xanh”,… Để thuyết phục, người viết, người nói phải nêu lên được ý kiến (quan điểm) của mình, sau đó dùng lí lẽ và các bằng chứng cụ thể làm sáng tỏ ý kiến ấy. Nghị luận văn học là văn bản nghị luận bàn về các vấn đề văn học.**2. Ý kiến, lí lẽ và bằng chứng**- Ý kiến thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định như: “Nguyên Hồng thực sự là nhà văn của nhân dân lao động”. Hoặc “Số nước ngọt như vậy không phải là vô tận, không phải cứ dùng hết lại có”. Ý kiến của văn bản nghị luận thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.- Lí lẽ thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: *Vì sao? Do đâu?* (Chẳng hạn: *Vì sao “Thánh Gióng” là truyện truyền thuyết? Do dâu nước ngọt ngày càng khan hiếm?*)- Bằng chứng (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh hoạ, làm sáng tỏ cho lí lẽ.**3. Lưu ý khi đọc văn bản nghị luận**- Văn bản viết về vấn đề gì?- Ở văn bản này, người viết định thuyết phục điều gì? |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |
| --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG****1.Đọc****2.Tìm hiểu chung** |
| **a. Tác giả** |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS tìm hiểu được những thông tin chính về nhà phê bình Nguyễn Đăng Mạnh**b. Nội dung**: - HS tìm hiểu thông tin trước ở nhà và trình bày tại lớp**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS**d. Tổ chức thực hiện** |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**? Nêu những hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Đăng Mạnh.**B2: Thực hiện nhiệm vụ****GV** hướng dẫn HS sắp xếp lại thông tin đã tìm hiểu**HS** chuẩn bị lại các nội dung đã chuẩn bị**B3: Báo cáo, thảo luận****GV** yêu cầu HS trình bày**HS** trả lời câu hỏi của GV.**B4: Kết luận, nhận định (GV)**Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. |  - Nguyễn Đăng Mạnh ( 1930-2018)- Quê: Hà Nội- Là nhà nghiên cứu phê bình văn học nổi tiếng của Việt Nam. |
|  |  | A picture containing text  Description automatically generated |  |
|  |
| **b. Tác phẩm**  |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS- Biết được những nét chung của văn bản (Đặc điểm về thể loại, mục đích sử dụng…)**b. Nội dung**: - GV sử dụng một số kĩ thuật dạy học phù hợp giúp hs khám phá tri thức- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS**d. Tổ chức thực hiện** |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**- Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.- Chú ý quan sát các ô chỉ dẫn bên phải để dễ dàng hiểu nội dung văn bản hơn- Nêu những từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng, điển tích,… khó, cần chú ý và giải thích.- Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập số 1, giao nhiệm vụ:? Văn bản *“Nguyên Hồng nhà văn của những người cùng khổ”* thuộc thể loại nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?? Văn bản gồm 3 phần. Nêu nội dung của từng phần?

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 1** |
| 1. Thể loại: |  |
| 2. Dấu hiệu nhận biết thể loại: |  |
| 3. Bố cục: |  |
| Phần 1 |  |
| Phần 2 |  |
| Phần 3 |  |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ****HS**: - Đọc văn bản- Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’+ 2 phút đầu, hs trình bày ra phiếu cá nhân (tự chuẩn bị )+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận.**GV**:- Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.**B3: Báo cáo, thảo luận****HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).**GV***:* - Nhận xét cách đọc của và định hướng cách đọc phù hợp cho HS.- Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.- Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | **-Xuất xứ:****-. Thể loại:** Văn bản nghị luận - Hệ thống các lí lẽ, bằng chứng, quan điểm, ý kiến của người viết**-. Bố cục**+ P1: Nguyên Hồng rất dễ xúc động, rất dễ khóc.+ P2: Tuổi thơ Nguyên Hồng thiếu tình yêu thương**+** P3: Phong cách riêng của nhà văn Nguyên Hồng |

|  |
| --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** |
| a. Mục tiêu: + Gv hướng dẫn Hs đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung và các đặc điểm nghệ thuật của văn bản từ đó thấy được đặc điểm của văn bản nghị luận văn học+ Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.b. Nội dung*:* Hướng dẫn học sinh khám phá, phát hiện những dấu hiệu đặc trưng của một văn bản nghị luận văn học thông qua văn bản cụ thể bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập. c. Sản phẩm:câu trả lời của HS, sản phẩm của nhómd. Tổ chức thực hiện |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nội dung 1****B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**- Yêu cầu Hs hoạt động theo cặp đôi cùng bàn- Tác giả nêu những bằng chứng nào để khẳng định Nguyên Hồng rất dễ xúc động, rất dễ khóc.**B2: Thực hiện nhiệm vụ****Hs****-** Trao đổi thảo luận theo bàn, ghi kết quả ra phiếu**GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.**B3: Báo cáo, thảo luận****GV**:- Yêu cầu đại diện hs lên trình bày.- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).**HS:** - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.- Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2 | **1. Nguyên Hồng “rất dễ xúc động, rất dễ khóc”.**- Bằng chứng: + Khóc khi nhớ đến bạn bè, đồng chí…+ Khóc khi nghĩ đến đời sống khổ cực của nhân dân+ Khóc khi nói đến công ơn Tổ Quốc…+ Khóc khi kể lại khổ đau, oan trái của những nhân vật do mình tạo ra.=> Dẫn chứng được liệt kê cụ thể, tỉ mỉ, toàn diện- Ý kiến tác giả:+ Ai biết được Nguyên Hồng đã khóc bao nhiêu lần…+ Mỗi dòng chữ ông viết ra là một dòng nước mắt (so sánh)=> Ý kiến , lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục => Đặc điểm của văn bản nghị luận |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung 2****B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**- Yêu cầu Hs đọc lại phần 2- Nêu những bằng chứng mà tác giả đưa ra để chứng minh Nguyên Hồng là một người thiếu tình thương từ nhỏ.- Những bằng chứng đó do tác giả tự tưởng tượng ra hay có nguồn gốc từ đâu?? Theo em tác giả đưa ra những câu trong hồi kí của Nguyên Hồng là bằng chứng cho ý kiến nào?- Nhận xét về tính thuyết phục của các bằng chứng đó.**B2: Thực hiện nhiệm vụ**- Gv hướng dẫn hs đọc lại phần 2 chú ý vào các ô bên phải chỉ dẫn, định hướng nội dung- Hs Hoạt động theo cặp đôi để phát hiện những bằng chứng, lí lẽ mà tác giả nêu ra.**B3. Báo cáo, thảo luận****GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng cặp đôi , chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.- Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 3 | **2. Nguyên Hồng là người thiếu tình thương từ nhỏ****-** Nguyên Hồng thiếu tình thương từ nhỏ nên luôn khao khát tình thương và dễ thông cảm với người bất hạnh***\* Bằng chứng***- Mồ côi cha khi 12 tuổi- Mẹ lấy chồng khác, thường đi làm ăn xa- “Giá ai cho tôi một xu nhỉ? Chỉ một xu thôi!...” ( Những ngày thơ ấu)=> Bằng chứng lấy từ thực tế cuộc đời nhà văn Nguyên Hồng, từ tập hồi kí *Những ngày thơ ấu*=> Các bằng chứng, lí lẽ rất rõ ràng, thuyết phục người nghe, người đọc |
| **Nội dung 3****B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**- Yêu cầu Hs đọc lại phần 3- Đặc điểm nào ở Nguyên Hồng không thể có ở những cây bút khác? - Điều gì đã tạo nên đặc điểm riêng đó? - Đặc điểm riêng đó được biểu hiện cụ thể qua những bằng chứng nào? Những bằng chứng đó do tác giả tự tưởng tượng ra hay có nguồn gốc từ đâu?- Nhận xét về tính thuyết phục của các bằng chứng đó.- Cảm nhận của em về tình cảm của người viết dành cho nhà văn Nguyên Hồng?**B2: Thực hiện nhiệm vụ**- Hs đọc lại phần 3 chú ý vào các ô bên phải chỉ dẫn, định hướng nội dung- Hs Hoạt động theo cặp đôi để phát hiện những bằng chứng, lí lẽ mà tác giả nêu ra.**B3. Báo cáo, thảo luận****GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).**B4: Kết luận, nhận định (GV)*** Hs bổ sung ý kiến
* Gv nhận xét, chốt kiến thức
 | **3. Phong cách riêng của nhà văn Nguyên Hồng**- Đặc điểm: “Chất dân nghèo, chất lao động”.***- Bằng chứng:**** Cơ sở tạo nên đặc điểm riêng của Nguyên Hồng:

+ Sống trong môi trường những người cùng khổ nhất trong xã hội cũ. + “Ngay từ tuổi cắp sách đến trường…con cá, lá rau”+ Năm 16 tuổi đến thành phố Hải Phòng sinh sống, nhập hẳn vào cuộc sống của hạng người dưới đáy XH thành thị. * Biểu hiện cụ thể:

+ Cung cách sinh hoạt vô cùng giản dị: thói quen ăn mặc, đi đứng, nói năng, thái độ giao tiếp…+ Lời nói của bà Nguyên Hồng.+ Văn chương Nguyên Hồng=> Thái độ tôn trọng, ngưỡng mộ, ngợi ca tài năng và phẩm chất tốt đẹp của nhà văn Nguyên Hồng. |
| **III. Tổng kết***a. Mục tiêu:* Hs nắm được đặc điểm của văn bản nghị luận ( Nghị luận văn học)*b. Nội dung: Hướng dẫn học sinh*  trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để củng cố khắc sâu kiến thức về bài nghị luận văn học*c. Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh*d. Tổ chức thực hiện* |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi - Trình bày khái quát nội dung và những đặc sắc về nghệ thuật của văn bản.- Hãy nêu những đặc điểm của kiểu văn bản nghị luận và nghị luận văn học**B 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần**B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**-Học sinh trình bày cá nhân: + Văn bản nghị luận là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó+ Nghị luận văn học là văn bản nghị luận bàn về các vấ đề văn học**B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **1. Nghệ thuật:****-** Các bằng chứng đa dạng, cụ thể, sinh động, phong phú, thuyết phục- Hệ thống lí lẽ, ý kiến nêu ra vừa có tình vừa có lí bộc lộ cảm xúc, thái độ trân trọng của người viết.**2. Nội dung** **-** Nguyên Hồng có tuổi thơ cay đắng , bất hạnh và đó là tiền đề tạo nên một nhà văn Nguyên Hồng rất giàu cảm xúc và dạt dào tình yêu thương. |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập** a) Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể. b) Nội dung: GV hướng dẫn cho HS làm bài tập thông qua phiếu bài tập.c) Sản phẩm: Câu trả lời học sinhd) Tổ chức thực hiện: |
| **B 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập****\*GV phát phiếu học tập cho học sinh thảo luận cặp đôi**Viết một đoạn văn (khoảng 10 dòng) thể hiện cảm nghĩ của em về nhà văn Nguyên Hồng trong đó có sử dụng một trong các thành ngữ sau: *chân lấm tay bùn, khố rách áo ôm, đầu đường xó chợ, tình sâu nghĩa nặng.*- Học sinh tiếp nhận, hiểu rõ yêu cầu của nhiệm vụ học tập **B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập****HS**:* Suy nghĩ cá nhân và viết bài.

**GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).**B3: Báo cáo kết quả và thảo luận****HS**: Trao đổi nhóm đôi -> Trình bày trước lớp.**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- Học sinh nhận xét câu trả lời.- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **IV. Luyện tập**Nguyên Hồng là nhà văn có tuổi thơ bất hạnh. Bố mất sớm, mẹ phải đi làm nơi xa khiến cho nhà văn luôn khao khát có được tình yêu thương. Điều đó thể hiện rất rõ trong tập hồi kí *Những ngày thơ ấu* của ông. Chính tuổi thơ cơ cực ấy đã khiến cho Nguyên Hồng có một tâm hồn vô cùng nhạy cảm và rất dễ cảm thông với những kiếp người bất hạnh. Hoàn cảnh sống cơ cực vất vả ấy khiến Nguyên Hồng được tiếp xúc với đủ hạng người trong xã hội từ đó càng khiến ông thấu hiểu hơn cuộc sống của họ. Vượt lên chính mình, vượt qua hoàn cảnh Nguyên Hồng đã trở thành nhà văn tiêu biểu của nền văn học Việt Nam. |

**4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng**

*a. Mục tiêu:* HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống

*b. Nội dung:* Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để tìm một số trường hợp ta sử dụng kiểu văn bản nghị luận văn học

*c. Sản phẩm:* Câu trả lời của hs

*d. Tổ chức thực hiện:*

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

\* Gv nêu nhiệm vụ học tập hs cần giải quyết

1. Các tình huống sử dụng văn bản nghị luận văn học

2. Em đã từng xây dựng đoạn văn hoặc văn bản thuộc kiểu bài nghị luận văn học hay chưa?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh trả lời câu hỏi.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Học sinh thảo luận theo tổ cử đại diện trình bày.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh nhận xét

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

\* **Hướng dẫn tự học:**

**-** Tiếp tục ôn tập và tìm hiểu về kiểu bài nghị luận văn học

- Tìm đọc đầy đủ hồi kí *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng

- Chuẩn bị trước bài “Vẻ đẹp của một bài ca dao”

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: 12/11/2024 | Dạy | Ngày |  30 /11/2024 |
| Tiết  | 1,2 |
| Lớp | 6C |

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**Tiết 47,48,: VẺ ĐẸP CỦA MỘT BÀI CA DAO**

**– Hoàng Tiến Tựu**

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Tri thức về văn bản nghị luận ( Nghị luận văn học): ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố này.

- Mối quan hệ giữa nhan đề với nội dung của văn bản

- Tư tưởng, tình cảm của tác giả Hoàng Tiến Tựu thể hiện qua văn bản *Vẻ đẹp của một bài ca dao*

***2. Về năng lực:***

 - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

- Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn; nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với bản thân.

***3. Về phẩm chất:***

- *Yêu nước :*Tự hào về vẻ đẹp và sự phong phú của nền văn học dân gian của dân tộc ( ca dao)

-*Trách nhiệm*: có ý thức, trách nhiệm gìn giữ và phát huy vẻ đẹp của ca dao Việt Nam.

**-***Chăm chỉ :*Tự giác, chăm chỉ trong học tập và lao động, ham tìm hiểu và yêu thích văn học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:**

Máy chiếu, máy tính, bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm

**2. Học liệu:**

Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

**Phiếu học tập số 1**

\* Đánh giá của tác giả về bài ca dao

|  |  |
| --- | --- |
| **Hai câu đầu** | **Hai câu sau** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Nội dung** | **Hình thức** |
| **Đặc điểm của ca dao** |

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

 |

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

 |

|  |
| --- |
| **Hoạt động 1: Xác định vấn đề**a. Mục tiêu*:*Giúp học sinh huy động kiến thức cũ để trả lời câu hỏib. Nội dung:Giáo viên yêu cầu hs nêu lại những đặc điểm tiêu biểu của kiểu bài nghị luận đã được học c. Sản phẩm*:* Câu trả lời của học sinhd. Tổ chức thực hiện: |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:*** Gv giao nhiệm vụ cho học sinh thông qua câu hỏi
1. Nêu đặc điểm của kiểu bài nghị luận , nghị luận văn học

**B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- Học sinh làm việc theo cặp đôi:trao đổi, thống nhất ý kiến**B3: Báo cáo kết quả và thảo luận*** Hs trả lời các câu hỏi của giáo viên.
* GV quan sát, động viên khích lệ và hỗ trợ học sinh nếu cần

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ*** Hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của các cặp đôi
* Gv nhận xét, định hướng, chốt kiến thức kiến thức, dẫn dắt sang nội dung bài học
 | - Văn bản nghị luận viết ra nhằm thuyết phục người đọc,người nghe về quan điểm, tư tưởng của người viết.- Nghị luận văn học là văn bản nghị luận bàn về các vấn đề văn học- Các yếu tố: ý kiến, lí lẽ, bằng chứng có mối quan hệ mật thiết với nhau |

|  |
| --- |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** **Nhiệm vụ 1:Tìm hiểu chung***a)Mục tiêu:*Thông tin khái quát về tác giả Hoàng Tiến Tựu. Đọc văn bản và nhận biết nội dung khái quát của văn bản*b)* Nội dung:Giáo viên hướng dẫn học sinh trình bày thông tin về tác giả trên cơ sở đã tìm hiểu trước ở nhà.c) Sản phẩm: Ý kiến trình bày của các nhómd) Tổ chức thực hiện |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ****Nhóm 1**: Thông tin về tác giả, đọc thuộc bài ca dao được trích trong văn bản**Nhóm 2**: Điều hành phần đọc văn bản.**Nhóm 3**: Xác định vấn đề nghị luận của văn bản.**Nhóm 4:**Ghi chép, nhận xét các nội dung làm việc của nhóm 1,2,3**B 2: Thực hiện nhiệm vụ**- Các nhóm thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên. Trình bày ý kiến ra phiếu - Gv quan sát, hỗ trợ học sinh nếu cần**B3: Báo cáo kết quả và thảo luận*** Các nhóm cử đại diện trình bày nội dung đã chuẩn bị

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- Nhóm 4 tổng hợp nhận xét nhóm 1, nhóm 2 và 3-Giáo viên sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.- Gv tiến hành đọc mẫu 1 đoạn của văn bản để định hướng cách đọc phù hợp cho hs | **I. Tìm hiểu chung****1. Tác giả** - Hoàng Tiến Tựu (1933 - 1998)- Quê quán: Thanh Hóa- Là nhà nghiên cứu hàng đầu về chuyên ngành *Văn học dân gian***2. Tác phẩm****a. Đọc** **b. Thể loại :** Nghị luận văn**c. Vấn đề nghị luận:** Vẻ đẹp của một bài ca dao |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới****Nhiệm vụ 2: Đọc - hiểu văn bản**a. Mục tiêu: + Gv hướng dẫn Hs tìm hiểu cụ thể nội dung, nghệ thuật của văn bản.+ Nhận biết những yếu tố để thấy được đây là một văn bản nghị luận văn học+ Cảm nhận được tình cảm của tác giả đối với bài ca dao b. Nội dung:*Hướng dẫn học sinh khám phá* nội dung, nghệ thuật của văn bản bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập theo đúng đặc trưng thể loại của một văn bản nghị luậnc.Sản phẩm:Câu trả lời của học sinh, sản phẩm hoạt động nhómd. Tổ chức thực hiện: |
| **Nội dung 1:****B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi **1. Nội dung chính của văn bản**Vẻ đẹp của một bài ca dao**là gì? Nhan đề đã khái quát được nội dung chính của văn bản haychưa?****2. Theo tác giả, bài ca dao có những vẻ đẹp gì? Vẻ đẹp nào được tác giả chú ý phân tích nhiều hơn?****3. Bản thân em đã từng được trải nghiệm nhìn ngắm cánh đồng lúa quê hương chưa? Đó là thời điểm lúa đang ở giai đoạn nào? Nêu một vài cảm nghĩ của em về cánh đồng lúa.****B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập****HS:**- Làm việc theo cặp đôi,theo nhóm- Đại diện cặp đôi lên báo cáo kết quả thảo luận, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.**GV:**theo dõi, quan sát HS thảo luận, hướng dẫn, hỗ trợ học sinh nếu cần**B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận****GV**:- Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá. **HS**:- Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình. +Nội dung chính của văn bản là phân tích vẻ đẹp và bố cục của bài cao dao *Đứng bên ni đồng…* Nhan đề đã khái quát được nội dung chính của văn bản+ Theo tác giả, bài ca dao trên có 2 vẻ đẹp: vẻ đẹp cánh đồng và vẻ đẹp của cô gái ngắm cánh đồng.- Vẻ đẹp ấy được nêu khái quát ở phần 1 của văn bản.- Vẻ đẹp của cô gái (chẽn lúa đòng đòng) trên cánh đồng được tác giả chú ý phân tích hơn- Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản****1. Vẻ đẹp của bài ca dao**- Mở đầu trích dẫn bài ca dao=> Cách vào đề trực tiếp+ Hai cái đẹp: cánh đồng và cô gái thăm đồng. => Được miêu tả ấn tượng+ Cái hay: độc đáo, riêng biệt không thấy ở những bài ca dao khác- Từ ngữ, hình ảnh: *mênh mông bát ngát, bát ngát mênh mông, chẽn lúa, ngọn nắng hồng ban mai.*=> Khẳng định bài ca dao mang vẻ đẹp và cái hay riêng. |
| **Nội dung 2:****B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi1.Tác giả lần lượt trình bày ý kiến của mình về hai câu đầu và hai câu cuối của bài ca dao như thế nào?2. Nêu một số từ ngữ, cụm từ có tác dụng làm tăng tính thuyết phục cho ý kiến tác giả nêu ra.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập****HS:**- Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành câu trả lời).- Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.**GV:**Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).**B3: Báo cáo kết quả và thảo luận****GV**:- Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá. - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).**HS**:- Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.- Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **2. Cảm nhận, đánh giá bài ca dao** **a. Hai câu đầu** - Không có chủ ngữ. => Người nghe cảm thấy như đang được đi thăm cánh đồng mênh mông, rộng lớn cùng cô gái **b. Hai câu cuối**- Dẫn dắt bằng kiểu kết cấu *“ nếu như hai câu đầu…thì ở hai câu cuối…”=>rất tự nhiên , thuyết phục*- Tập trung ngắm nhìn, đặc tả "chẽn lúa đòng đòng" đang phất phơ dưới "ngọn nắng hồng ban mai". - Tả "chẽn lúa đòng đòng" trong mối liên hệ so sánh với bản thân.=> Cô gái đến tuổi dậy thì, căng đầy sức sống. |
|  **Nhiệm vụ 3: Tổng kết** *a. Mục tiêu:* Hs nắm được những đặc sắc về nội dung nghệ thuật từ đó có những hiểu biết đầy đủ, cụ thể hơn về đặc điểm của văn bản nghị luận*b. Nội dung: Hướng dẫn học sinh*  nêu ý kiến để khái quát lại những thành công về nghệ thuật, nội dung.*c. Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh*d. Tổ chức thực hiện* |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:****GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi** 1. Nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản? 2. Tóm tắt lại nội dung chính của các phần3. Đọc thuộc 1 bài ca dao mà em đã học**B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.- Giáo viên: theo dõi, định hướng, hỗ trợ học sinh (nếu cần)**B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**-Học sinh trình bày cá nhân- Hoạt động theo cặp đôi, đại diện trình bày | **III. Tổng kết****1. Nghệ thuật:****-**Ý kiếnnêu ra rõ ràng, chân thực, trình bày có hệ thống**-** Lí lẽ ngắn gọn, thuyết phục, giàu cảm xúc=> Bộc lộ tình cảm yêu mến, trân trọng của tác giả với bài ca dao 1. Nội dung

Qua *Vẻ đẹp của một bài ca dao*, Hoàng Tiến Tựu đã nêu lên ý kiến của mình về vẻ đẹp cũng như cách khai thác nội dung của một bài ca dao cụ thể. Từ đó khơi gợi được sự đồng cảm và tình yêu đối với ca dao ở bạn đọc |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập** *a) Mục tiêu:* Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.*b) Nội dung:*GV hướng dẫn cho HS làm bài tập. *c) Sản phẩm:* Câu trả lời học sinh*d) Tổ chức thực hiện:* |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập****\*GV phát phiếu học tập cho học sinh** 1.Hãy chỉ ra những dấu hiệu về hình thức, nội dung để cho ta thấy văn bản *Vẻ đẹp của một bài ca dao* là văn bản nghị luận.2. Kết hợp với kiến thức đã học ở bài 2, hãy nêu những hiểu biết của em về nội dung và hình thức của ca dao.**B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ.**B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- Học sinh phát biểu tuỳ theo cảm nhận của từng cá nhân. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**-Học sinh nhận xét câu trả lời.- Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức | **IV. Luyện tập****1.Vẻ đẹp của một bài ca dao**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình thức**  | **Nội dung** |
| Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng  | Chủ đề: *vẻ đẹp của một bài ca dao* |

**2.** + *Nội dung*: Ca dao, dân ca  là những bài thơ dân gian do nhân dân lao động sáng tác và thuộc thể loại trữ tình đã diễn tả một cách sinh động và sâu sắc đời sống tâm hồn, tình cảm, tư tưởng của người lao động.+ *Hình thức:* Thể thơ gồm những loại chính như: các thể vãn, thể lục bát, thể song thất và song thất lục bát, thể hỗn hợp (hợp thể) |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng***a) Mục tiêu:* HS vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện theo định hướng của giáo viên*b) Nội dung:* Nêu ý kiến của em về một bài ca dao đã được học*d) Tổ chức thực hiện:***B1 Chuyển giao nhiệm vụ học tập****\*GV giao bài tập** Trình bày ngắn gọn ý kiến của em về một bài ca dao đã được học**B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- Học sinh trả lời câu hỏi- Giáo viên: quan sát, động viện, khích lệ **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**Học sinh thảo luận theo bàn ,cử đại diện trình bày.- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**Học sinh nhận xét câu trả lời-Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. |

\* **Hướng dẫn tự học:**

**-** Đọc lại hai văn bản đọc hiểu để nắm rõ hơn kiểu bài nghị luận văn học

- Chuẩn bị trước bài “ Thực hành Tiếng Việt *thành ngữ, dấu chấm phẩy”*

- Vận dụng kiến thức đọc trước văn bản “*Thánh Gióng- tượng đài vĩnh cửu của long yêu nước”*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: 14/11/2024 | Dạy | Ngày |  2/12/2024 |
| Tiết  |  |
| Lớp | 6C |

**Tiết 49: – THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

+ Tri thức được thành ngữ, dấu chấm phẩy

+ Nghĩa của thành ngữ, công dụng của dấu chấm phẩy.

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được một số thành ngữ.

- Giải thích được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

- Nhận biết được công dụng của dấu chấm phẩy.

- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có sử dụng thành ngữ, dấu chấm phẩy.

-Biết cách viết một đoạn văn theo mẫu có phép so sánh.

***3. Về phẩm chất:***

- *Yêu nước:* Hiểu và tự hào về sự phong phú của tiếng Việt, bồi dưỡng tình yêu với tiếng Việt – ngôn ngữ của dân tộc chúng ta.

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-*Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **HĐ 1: Khởi động**

|  |
| --- |
| **Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học. |
| **Nội dung**: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: ***Đuổi hình bắt chữ*** |
|  **Tổ chức thực hiện**  | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “Đuổi hình bắt chữ”**Luật chơi: + HS quan sát các hình ảnh minh họa. + Đoán các hình ảnh trên gợi liên tưởng tới câu thành ngữ nào?+ Giáo viên gọi tinh thần xung phong để học sinh thể hiện sự tự tin của mình.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Không có mô tả ảnh.Mò kim đáy bể | Không có mô tả ảnh.Đàn gảy tai trâu | Không có mô tả ảnh.Thọc gậy bánh xe |
| A picture containing text  Description automatically generatedẾch ngồi đáy giếng | A picture containing text  Description automatically generatedGiận cá chém thớt | A picture containing text, picture frame  Description automatically generatedHá miệng chờ sung |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- Giáo viên: hướng dẫn học sinh đoán từ, gợi ý nếu cần- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- Học sinh lần lượt trả lời.- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá- Giáo viên nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài: các cụm từ các em vừa tìm được được gọi là Thành ngữ và bài học hôm nay sẽ giúp các em tìm hiểu về kiến thức này cũng như giới thiệu đến các em công dụng của một dấu câu nữa: dấu chấm phẩy. |     |

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |
| --- |
| **I:Lý thuyết** |
| **Mục tiêu**: Giúp HS- Hiểu được thế nào là Thành ngữ- Giải thích được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng- Biết tìm thành ngữ theo yêu cầu**Nội dung**: - GV đặt câu hỏi cho HS thảo luận và hướng dẫn học sinh làm các bài tập- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**- GV yêu cầu HS đọc phần kiến thức Ngữ văn và trả lời các câu hỏi.? Thế nào là Thành ngữ? Cho ví dụ. **B2: Thực hiện nhiệm vụ****HS**: HS quan sát, suy nghĩ trả lời câu hỏi- Đọc phần kiến thức ngữ văn SGK trang 73**GV: H**ướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.**B3: Báo cáo, thảo luận****HS**: Trả lời câu hỏi- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần)**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Chốt kiến thức lên màn hình- Chuyển dẫn sang câu hỏi phần bài tập | ***1.Thành ngữ******a.Khái niệm***- Thành ngữ là những cụm từ cố định quen dùng, thường ngắn gọn, có hình ảnhVí dụ: khỏe như voi, chậm như rùa,trên đe dưới búa, một cổ hai tròng…-Việc sử dụng thành ngữ giúp cho lời ăn tiếng nói sinh động, có tính biểu cảm cao. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**- Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập 1, 2, 3, 4 SGK trang 78- 79.- Chia lớp thành 4 nhóm thảo luận**B2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.- Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả, trao đổi trong nhóm- GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.**B3: Báo cáo, thảo luận**- GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.- HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | ***b) Luyện tập******Bài tập 1:***a. Lớn nhanh như thổi: chỉ người hoặc sự việc lớn rất nhanhb. Hôi như cú: chỉ cơ thể có mùi hôi khó chịuc. Cá chậu chim lồng: chỉ tình cảnh bị giam giữ, tù túng, mất tự do.d. Bể cạn non mòn: nói về sự thay đổi của thiên nhiên, của trời đấte. Buôn thúng bán bưng: chỉ những người nghèo khổ, có ít vốn liếng buôn bán vặt vãnh, tần tảo.***Bài tập 2***

|  |  |
| --- | --- |
| **Thành ngữ** | **Nghĩa** |
| Êm như ru | Nhẹ nhàng êm ái,đem lại cảm giác dễ chịu |
| Lúng túng như gà mắc tóc | Thiếu bình tĩnh, bối rối |
| Nhanh như chớp | Rất nhanh giống như tia chớp trên bầu trời lóe lên rồi vụt tắt. |
| Ngọt như mía lùi | Nói năng khéo léo, nhẹ nhàng, có sức thuyết phục |

***Bài tập 3***

|  |  |
| --- | --- |
| **Thành ngữ** | **Nghĩa** |
| Nói trước quên sau | Vừa nói xong đã quên rồi |
| Có mới nới cũ | Phụ bạc không chung thủy, có cái mới thường coi thường rẻ rúng cái cũ, người cũ |
| Trước lạ sau quen | Lần đầu gặp mặt một người cảmgiác rất lạ nhưng dần khi biết nhau rồi thì sẽ trở nên quen thuộc. |
| Ma cũ bắt nạt ma mới | Người cũ cậy quen biết nhiều nên ra oai, bắt nạt người mới đến chưa hiểu biết gi |

***Bài tập 4*****1– e 4 - c****2– d 5 - a****3– b**-> Biện pháo tu từ: tương phản ( sử dụng từ ngữ đối lập) và biện pháp ẩn dụ. |
| **2.Dấu chấm phẩy** |
| **Mục tiêu**: Giúp HS:- Hiểu được vai trò của dấu chấm phẩy- Biết sử dụng dấu chấm phẩy trong tạo lập văn bản.**Nội dung**: - GV chia nhóm, đưa ra yêu cầu cho HS- HS làm việc thảo luận nhóm thống nhất ý kiến đưa ra đáp án |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**- Yêu cầu HS đọc “Chuyện vui về dấu câu” và trả lời câu hỏi:Có một người chẳng may đánh mất dấu phẩy. Anh ta trở nên sợ những câu phức tạp…Sau đó, không may, anh lại làm mất dấu chấm than. Anh bắt đầu nói khe khẽ, đều đều, không ngữ điệu. Anh không cảm thán không suýt xoa…Kế đó, anh ta đánh mất dấu chấm hỏi và chẳng bao giờ hỏi ai điều gì nữa. Mọi sự kiện xảy ra ở đâu, dù trong vũ trụ hay trên mặt đất hay ngay trong nhà mình mà anh ta không biết, anh ta đánh mất khả năng học hỏi…Một vài tháng sau anh ta đánh mất dấu hai chấm. Từ đó anh ta không liệt kê được, không giải thích được hành vi của mình…Cứ mất dần các dấu cuối cùng anh ta chỉ còn dấu ngoặc kép mà thôi. Anh ta không phát biểu được một ý kiến nào của riêng mình nữa, lúc nào cũng chỉ trích dẫn lời của người khác…Cứ như vậy anh ta đi đến dấu chấm hết.… (Lược trích trên Báo Hoa học trò)? Câu chuyện nhắc đến các dấu câu nào em đã được học.? Theo em dấu câu có quan trọng không?? Từ phần Kiến thức ngữ văn SGK trang 74 em hiểu gì về dấu chấm phẩy?**B2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS đọc Chuyện vui về dấu câu và Kiến thức ngữ văn- Trả lời câu hỏi**B3: Báo cáo, thảo luận**- GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ .**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | ***a) Khái niệm***- Dấu chấm phẩy dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp.VD: “Những bí quyết để sống lâu: từ: nhân đức, phúc hậu; kiệm: chừng mực; hòa: vui vẻ, khoan dung; tĩnh: điềm đạm, không nóng nảy”(Ngạn ngữ phương Đông). |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**- Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập 5 SGK trang 79.- GV chia nhóm cho HS thảo luận**B2: Thực hiện nhiệm vụ****HS** đọc SGK ,tìm dấu và xác định tác dụng của dấu chấm phẩy**GV** hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ**B3: Báo cáo, thảo luận****HS** báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.**GV** yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau. | **b) Luyện tập****Bài tập 5**1. Tác dụng: Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp.
2. Tác dụng:Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp.
 |
| **3. HĐ 3: Luyện tập*****a) Mục tiêu:***Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể***b) Nội dung:***HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập ***d) Tổ chức thực hiện*** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS**Bài tập** Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5-7 dòng) về một tác phẩm, tác giả hoặc nhân vật trong những tác phẩm văn học em đã học trong đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh như trong câu sau: Có thể nói mỗi dòng chữ ông viết ra là một dòng nước mắt nóng bỏng tình xót thương ép thẳng ra từ trái timvoo cùng nhạy cảm của mình. (Nguyễn Đăng Mạnh). *(Khuyến khích sử dụng thành ngữ hoặc dấu chấm phẩy)* **B2: Thực hiện nhiệm vụ****GV** hướng dẫn HS: đúng hình thức, đúng chủ đề+ Một đoạn văn, không xuống dòng, tách đoạn, có liên kết câu chặt chẽ.+ Đúng chủ đề, có sử dụng câu chủ đề trong đoạn văn.**HS : L**àm bài theo yêu cầu của GV**B3: Báo cáo, thảo luận:** - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).**B4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số. | **Sản phẩm dự kiến :** Thực hành viết đoạn văn (bài viết sưu tầm) Nhân vật Hồng trong đoạn trích *Trong lòng mẹ* là một nhân vật bất hạnh nhưng kiên cường. Hồng được sinh ra trong một gia đình đặc biệt: cha nghiện ngập mất sớm, mẹ vì túng quẫn quá nên phải đi tha hương cầu thực. Thiếu vắng tình thương gia đình, ngay cả đến tình thương của người thân, họ hàng em cũng không được trải nghiệm khi mọi người đều ghét bỏ, lạnh lùng với em. Cả nhà, mà nổi bật nhất là nhân vật bà cô, luôn cố tình gieo rắc những ý nghĩ xấu xa, thù hằn về mẹ trong em. Tuy nhiên, với sự trưởng thành, thông minh và lòng yêu thương mẹ vô bờ, chú bé Hồng không bao giờ mất niềm tin cũng như sự thương cảm của mình với người mẹ. ***Bé Hồng luôn ước những cổ tục giống như hòn đá hay cục thủy tinh để nhai, để nghiến cho vụn nát mới thôi.***Qua văn bản, Nguyên Hồng đã kể lại thuở thơ ấu tủi khổ của mình, đồng thời thể hiện tình mẫu tử thiêng liêng, cao cả.   |
| **4. HĐ 4: Vận dụng****a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, liên hệ thực tiễnPhát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).**d) Tổ chứcthực hiện** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)**(1) Tổ chức Trò chơi: “Ai nhanh hơn” (Tại lớp)**- Nội dung: HS xem một đoạn phim hoạt hình Tom and Jerry. Từ các hình ảnh trong đoạn phim hãy tìm các thành ngữ có hình ảnh “con chuột”- Hình thức trò chơi: Tiếp sức- Thời gian: 3’- Kết thúc: Đội nào tìm được thành ngữ chính xác, nhiều nhất sẽ là đội thắng cuộc**(2)** Sưu tầm thành ngữ có hình ảnh “con mèo” và giải nghĩa thành ngữ đó. (Làm ở nhà)**B2: Thực hiện nhiệm vụ****HS:(1)** Xem phim hoạt hình, xác định yêu cầu của bài tập và thi đua tìm thành ngữ.**(2)** Tìm kiếm tư liệu trên mạng internet.**GV** hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ và cách tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn cách nộp sản phẩm qua zalo, hoặc gmail**B3: Báo cáo, thảo luận****HS** **(1)** Tham gia trò chơi tiếp sức**(2)** Nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét ý thức tham gia trò chơi của HS và kết quả trò chơi.- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài mới. | **Sản phẩm:** -Đầu voi đuôi chuột-Cháy nhà ra mặt chuột-Chuột sa chĩnh gạo-Chuột chạy cùng sào-Chuột gặm chân mèo… |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:14/11/2024 | Dạy | Ngày |  2-7/12/2024 |
| Tiết  | 2,3 |
| Lớp | 6C |

**Tiết 50,51- THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**THÁNH GIÓNG – TƯỢNG ĐÀI VĨNH CỬU CỦA LÒNG YÊU NƯỚC**

***(Nguyễn Mạnh Nhị)***

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Tri thức văn nghị luận văn học

- Ý kiến nghị luận, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

- Nhan đề, nội dung, đề tài của bài viết

- Tóm tắt được văn bản nghị luận để nắm được ý chính của văn bản

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được nhan đề đề cập đến nội dung, đề bài

- Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong văn bản.

- Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

- Trình bày được mối quan hệ giữa ý kiến lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ

- Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản

***3. Về phẩm chất:***

- Yêu nước, tự hào về truyền thống đánh giặc của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |
| --- |
| **1. HĐ 1: KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức đã học vào nội dung của bài học.**b. Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.**c. Sản phẩm:****d. Tổ chức thực hiện:**  |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)****A picture containing text  Description automatically generatedCalendar  Description automatically generatedD:\VĂN 6( 18-19)\Thánh Gióng\Thánh Gióng\Truyện tranh thánh gióng\4.jpg****A group of dolls  Description automatically generated with low confidenceA video game screen capture  Description automatically generated with low confidence**C:\Users\FPT\OneDrive\Máy tính\15.jpg**D:\VĂN 6( 18-19)\Thánh Gióng\Thánh Gióng\Truyện tranh thánh gióng\7.jpgA picture containing sky, building, outdoor, old  Description automatically generatedA picture containing outdoor, grass, plant, tree  Description automatically generated**-GV cho HS quan sát tranh minh họa và trả lời các câu hỏi:? Hình ảnh minh họa cho truyện nào đã học?? Kể lại các sự kiện chính trong truyện?? Nêu ấn tượng của em về một sự kiện mà em thấy ấn tượng nhất? Lí giải vì sao?**B2: Thực hiện nhiệm vụ****HS**: Quan sát tranh minh họa, suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi**GV**: Quan sát HS, khuyến khích, hỗ trợ (nếu cần)**B3: Báo cáo, thảo luận**- Yêu cầu 2 – 3 HS trả lời- Học sinh trả lời câu hỏi**B4: Kết luận, nhận định (GV)*** GV nhận xét, dẫn vào bài.
 | \* Hình ảnh minh họa cho truyền thuyết Thánh Gióng\* Các sự kiện chính- Sự ra đời của Thánh Gióng- Thánh Gióng biết nói và nhận trách nhiệm đánh giặc- Thánh Gióng lớn nhanh như thổi- Thánh Gióng vươn vai thành tráng sĩ cưỡi ngựa sắt đi đánh giặc và đánh tan giặc.- Vua phong là Phù Đổng Thiên Vương và những dấu tích còn lại của Thánh Gióng.(HS lựa chọn 1 sự kiện trong truyện bản thân ấn tượng nhất và lí giải) |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** |
| **Mục tiêu**: Giúp HS- Nêu được những nét chung về tác giả Bùi Mạnh Nhị và văn bản Thánh Gióng – tượng đài bất tử về lòng yêu nước (Thể loại, xuất xứ, bố cục…)**Nội dung**: - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và sử dụng KT đặt câu hỏi |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm**  |
| **B 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)****(Chuyển giao phiếu học tập số 1 cho HS chuẩn bị ở nhà)****-**Yêu cầu HS tạo nhóm cặp, sưu tầm tư liệu, trả lời câu hỏi trong phiếu học tập số 1

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 1** |
| **1/ Tìm hiểu và giới thiệu ngắn gọn về tác giả** |  |
| **2/ Giải thích 1 số từ sau:**- Gióng hoá- Bất tử hoá |  |
| **3/ Xuất xứ của văn bản** |  |
| **4/ Thể loại của văn bản** |  |
| **5/ Bố cục của văn bản** |  |
| Đoạn (1) |  |
| Đoạn (2) |  |
| Đoạn (3) |  |
| Đoạn (4) |  |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ****HS** trao đổi, thống nhất các nội dung trong phiếu học tập. GV hỗ trợ HS (nếu cần)**B3: Báo cáo, thảo luận****-**2 HS báo cáo trước lớp-HS các nhóm khác theo dõi, nhận xét bổ sung,…**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức lên MC và chuyển dẫn vào mục sau. | **1.Tác giả** https://hoc24.vn/source/V%C4%83n6/bmn2.jpgBùi Mạnh Nhị (1955)- **Quê quán**: Xã Thành Lợi, Huyện Vụ Bản, Nam Định.- **Vị trí**: Là Nhà giáo Ưu tú; Từng được trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất.**2.Tác phẩm***a)* Xuất xứ: Trích *Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường* (2012).*b) Thể loại*- Văn nghị luận văn học *c) Bố cục*- 5 phần+ Phần 1: Đoạn 1: Nêu vấn đề: Thánh Gióng - bức tượng đài bất tử về lòng yêu nước+Phần 2: Đoạn 2: Gióng ra đời kì lạ+ Phần 3: Đoạn 3: Gióng lớn lên cũng kì lạ Phần 4: Đoạn 4: Gióng vươn vai ra trận đánh giặc.Phần 5: Đoạn 5: Gióng bay lên trời và dấu xưa còn lại . |
| **II. TÌM HIỂU VĂN BẢN** |
| 1. **Vấn đề nghị luận**
 |
| **Mục tiêu**: Giúp HS- Tìm ra được ý kiến, vấn đề nghị luận trong bài**Nội dung**: - Hs đọc SGK, trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập- GV hướng dẫn HS (nếu cần) |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**? Ở bài trước các em đã được học hai văn bản nghị luận văn học. Theo các em khi đọc hiểu một văn bản nghị luận văn học ta cần trang bị cho mình những kiến thức cơ bản nào? - GV : Giao phiếu học tập số 2 cho HS chuẩn bị trước ở nhà. Cho HS thảo luận thống nhất ý kiến. (2’)

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 2** |
| 1/ Văn bản viết về vấn đề gì? |  |
| 2/ Vấn đề ấy được nêu khái quát ở phần nào? |  |
| 3/ Nhận xét cách nêu vấn đề của tác giả |  |
| 4/ Qua văn bản, em hiểu truyền thuyết *Thánh Gióng* có ý nghĩa như thế nào? |  |
| 5/ Rút ra bài học gì khi muốn xác định vấn đề nghị luận. |  |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ****- HS** thảo luận nhóm đôi, thống nhất câu trả lời**B3: Báo cáo, thảo luận****- 2 HS** trong nhóm đôi cùng báo cáo trước lớp-HS nhóm khác lắng nghe, nhận xét,bổ sung (nếu cần) **B4: Kết luận, nhận định (GV)**Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình. | - **Nghị luận văn học** là văn bản nghị luận bàn về các vấn đề văn học-**Ý kiến** thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định. Ý kiến của văn bản nghị luận thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.- **Lí lẽ**: là cơ sở cho ý kiến, quan điểm của người viết, người nói.-**Bằng chứng**: là những minh chứng làm rõ lí lẽ.=> Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.**\* Dự kiến sản phẩm****- Vấn đề nghị luận**: Thánh Gióng là tác phẩm tiêu biểu thuộc chủ đề yêu nước trong văn học.- Vấn đề được nêu ở nhan đề và được khái quát lại ở đoạn đầu văn bản.- Cách nêu vấn đề: đi từ khái quát đến cụ thể- Truyền thuyết *Thánh Gióng* có ý nghĩa: lưu giữ, giúp người dân tin vào truyền thống yêu nước của nhân dân ta |
| 1. **Chứng minh vấn đề nghị luận**
 |
| **Mục tiêu**: Giúp HS- Nhận biết được các lí lẽ, bằng chứng trong văn bản- Hiểu mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng trong việc làm sáng tỏ vấn đề**Nội dung**: - GV tổ chức cho HS thảo luận - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần) |
|  **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**1.Các mục *(2) Gióng ra đời kì lạ, (3) Gióng lớn lên cũng kì lạ, (4) Gióng vươn vai ra trận đánh giặc và (5) Gióng bay lên trời và dấu xưa còn lại* đều dựa vào các sự kiện trong truyện Thánh Gióng nhưng tác giả không kể lại các sự kiện mà chủ yếu nêu lên nội dung gì?2. Để làm sáng tỏ điều đó tác giả đã sử dụng các lí lẽ và dẫn chứng nào? (GV giao phiếu học tập số 3a, b, c, d cho HS cả lớp chuẩn bị trước ở nhà)- Tại lớp: Chia lớp ra làm 4 nhóm thảo luận thống nhất ý kiến trong nhóm và báo cáo.**Nhóm I**: Phiếu học tập (3a)

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập 3a**Đọc phần (2) và trả lời câu hỏi: |
| 1/ Nội dung chính của phần (2) là gì? |  |
| 2/ Tìm lí lẽ và dẫn chứng làm sáng tỏ nội dung đó. |  |
| 3/ Ý nghĩa của các lí lẽ và dẫn chứng đó. |  |

**Nhóm II**: Phiếu học tập 3-b

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập 3b**Đọc phần (3) và trả lời câu hỏi: |
| 1/ Nội dung chính của phần (3) là gì? |  |
| 2/ Tìm lí lẽ và dẫn chứng làm sáng tỏ nội dung đó. |  |
| 3/ Việc trích dẫn ý kiến của Lê Trí Viễn có tác dụng gì? |  |

**Nhóm III**: Phiếu học tập 3-c

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập 3c**Đọc phần (4) và trả lời câu hỏi: |
| 1/ Nội dung chính của phần (4) là gì? |  |
| 2/ Tìm lí lẽ và dẫn chứng làm sáng tỏ nội dung đó. |  |
| 3/ Việc trích dẫn ý kiến của Lê Trí Viễn có tác dụng gì? |  |

**Nhóm IV**: Phiếu học tập 3-d

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập 3d**Đọc phần (5) và trả lời câu hỏi: |
| 1/ Nội dung chính của phần (4) là gì? |  |
| 2/ Tìm lí lẽ và dẫn chứng làm sáng tỏ nội dung đó. |  |
| 3/ Các từ “Gióng hoá”, “bất tử hoá” có ý nghĩa gì? |  |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ****HS**:-HS thảo luận nhóm thống nhất ý kiến 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập chung của nhóm (phần việc của nhóm mình làm).**GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).**B3: Báo cáo, thảo luận**-HS đại diện mỗi nhóm báo cáo kết quả học tập. Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung …- GV hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.- Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục tiếp theo | **\*** Các mục *(2) Gióng ra đời kì lạ, (3) Gióng lớn lên cũng kì lạ, (4) Gióng vươn vai ra trận đánh giặc và (5) Gióng bay lên trời và dấu xưa còn lại* đều dựa vào các sự kiện trong truyện Thánh Gióng nhưng tác giả không kể lại các sự kiện mà chủ yếu nêu lên nội dung lòng yêu nước.**2.1 Gióng ra đời kì lạ**- Mẹ Gióng mang thai Gióng không bình thường: ướm chân mang thai, thai 12 tháng- Nêu ra những sự ra đời kì lạ khác như Gióng trong truyện cổ dân gian (Lê Lợi, Nguyễn Huệ).**=> Ý nghĩa sự ra đời kì lạ:** Khiến nhân vật trở nên phi thường; thể hiện sự yêu mến, tôn kính với nhân vật; đặt niềm tin vào những chiến công kì lạ.**2.2. Gióng lớn lên kì lạ**- 3 năm không nói, lần cất tiếng nói đầu tiên là tiếng nói yêu nước, cứu nước. → Tiếng nói không bình thường.- Gióng lớn nhanh, lớn bằng thức ăn, thức mặc của nhân dân. → Sức mạnh dũng sĩ được nuôi dưỡng từ những cái bình thường, giản dị. Gióng tiêu biểu cho sức mạnh toàn dân.**2.3 Gióng vươn vai ra trận đánh giặc**- Sự vươn vai liên quan đến mô típ truyền thống: người anh hùng phải khổng lồ về hình thể, sức mạnh, chiến công. → Tượng đài bất hủ về sự trưởng thành, hùng khí, tinh thần trước thế nước lâm nguy.- Quang cảnh ra trận hùng vĩ, hoành tráng. → Tất cả sức mạnh, ý chí cộng đồng, thành tựu lao động, văn hóa được bộc lộ trong cuộc đối đầu giặc.**3.4 Gióng bay lên trời và dấu xưa còn lại**- Gióng bay về trời là sự ra đi phi thường. → Sự trân trọng, yêu mến, muốn bất tử hóa nhân vật. Đây là phần thưởng cao nhất trao tặng người anh hùng.- Chiến tích còn để lại: dấu ngựa, ao hồ,... Nhân dân kể chuyện Gióng, tổ chức Hội Gióng. → Minh chứng câu chuyện có thật, giúp mọi người tin và giữ truyền thống dân tộc. |
| **III. TỔNG KẾT** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 4** |
| 1/ Nêu những đặc sắc nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? |  |
| 2/ Nội dung chính của văn bản là gì? |  |
| 3/ Qua văn bản em nhận ra thái độ, tình cảm nào của người viết? |  |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ****HS**: Suy nghĩ cá nhân 2’, trao đổi cặp đôi 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).**GV** hướng theo dõi, quan sát, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).**B3: Báo cáo, thảoluận****HS**:- Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.**GV**:- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.- Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **1. Nghệ thuật**- Lí lẽ bằng chứng chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.- Bố cục mạnh lạc, làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.**2. Nội dung****-** Qua văn bản Thánh Gióng- tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước, Bùi Mạnh Nhi đã chứng minh rằng: Thánh Gióng là một tác phẩm thành công, tiêu biểu viết về lòng yêu nước của dân tộc ta.*\* Niềm yêu mến, say mê tìm tòi và giải mã những giá trị văn hóa dân gian.* |
| **3. HĐ 3: Luyện tập*****a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể***b) Nội dung:***HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao***c) Sản phẩm:***Đáp án đúng của bài tập ***d) Tổ chức thực hiện*** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HSBài tập: Hãy viết một đoạn văn (khoảng 4 - 5 dòng) về hình tượng Thánh Gióng, trong đó có sử dụng thành ngữ "độc nhất vô nhị" ("có một không ai").**B2: Thực hiện nhiệm vụ****GV** hướng dẫn HS: tìm ý và tạo đoạn**HS** : viết đoạn**B3: Báo cáo, thảo luận:** - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số. | **Bài tập** Hình tượng Thánh Gióng với nhiều màu sắc thần kì, hoang đường song là biểu tượng về lòng yêu nước và sức mạnh chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta. Người anh hùng ***độc nhất vô nhị*** ấy được sinh ra từ nhân dân, do nhân dân nuôi dưỡng thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân dân ta về hình mẫu lí tưởng của người anh hùng chống giặc ngoại xâm, là sức mạnh của sự kết hợp giữa con người và thiên nhiên, bằng cả vũ khí thô sơ và hiện đại. |
| **4.HĐ 4: Vận dụng****a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, làm rõ mối quan hệ của ý kiến, lí lẽ, bằng chứng bằng sơ đồ. Biết ứng dụng sơ đồ trong việc tóm tắt nội dung bài học.**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).**d) Tổ chứcthực hiện** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)? Hãy hệ thống lại nội dung bài học bằng sơ đồ để thấy được mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn nghị luận (trình bày một ý kiến)**B2: Thực hiện nhiệm vụ****GV** hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ.**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và hệ thống kiến thức bài học**B3: Báo cáo, thảo luận****HS:** báo cáo kết quả học tập, tự đánh giá **GV**: Nhận xét sản phẩm của hs, hướng dẫn học sinh tự đánh giá.**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài mới. |  |
|  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:15/11/2024 | Dạy | Ngày |  7-9/12/2024 |
| Tiết  | 2,3 |
| Lớp | 6C |

**Tiết 52,53,54 – VIẾT**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ VỀ BÀI THƠ LỤC BÁT**

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Về kiến thức****:*

- Nêu cảm nghĩ về một bài thơ lục bát ( đã học, đọc thêm)

- Các chi tiết về nội dung, yếu tố nghệ thuật của bài thơ lục bát

- Lựa chọn từ ngữ biểu cảm, nhận xét đánh giá về nội dung và nghệ thuật cảu bài thơ lục bát

***2. Về năng lực****:*

- Biết dùng những từ ngữ biểu cảm, bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc riêng của cá nhân.

- Biết đưa ra cảm nhận riêng về nội dung, cách dùng từ ngữ biểu đạt của tác giả trong bài thơ lục bát

- Phát hiện chi tiết nghệ thuật, cảm nhận hình tượng thơ

- Tạo lập văn bản dưới hình thức một đoạn văn

***3. Về phẩm chất****:*

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo, tích cực tự giác trong học tập

- *Trách nhiệm:*Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:**

**-** Máy chiếu, máy tính, Phiếu học tập, Bảng rubic chấm đoạn văn

**2. Học liệu:**

- SGK, SGV

- Phiếu học tập

|  |
| --- |
| **PHIẾU TÌM Ý VÀ LẬP DÀN Ý ( Phiếu số 1)****Họ và tên HS: .......................**Đề bài : Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một trong hai bài thơ lục bát “À ơi tay mẹ”, “Về thăm mẹ” hoặc về một bài ca dao Việt Nam đã học.  |
| Bài thơ lục bát em thích là bài thơ nào? Tác giả là ai? | ……………………………………… |
| Em có suy nghĩ và cảm xúc gì khi đọc bài thơ? |  |
| Nội dung bài thơ viết về điều gì?  | ……………………………………… |
| Trong nội dung ấy em thích chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật nào? Vì sao? | ……………………………………… |
| Khi viết đoạn văn em dự kiến sẽ viết phần Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn như thế nào? |  |

|  |
| --- |
| **PHIẾU GÓP Ý BÀI VIẾT (Phiếu số 2)**Họ và tên HS viết bài: .......................Họ và tên HS góp ý: ....................... |
| Bài viết đã giới thiệu được tên bài thơ lục bát và tác giả bài thơ chưa? |  |
| Hình thức đoạn văn đã đảm bảo chưa? Về chỉnh thể và bố cục |  |
| Nội dung đoạn văn đã thể hiện được cảm xúc suy nghĩ ấn tượng nhất về chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật trong bài thơ chưa? |  |
| Đoạn văn có cần bổ sung thêm nội dung gì không? (Nếu có hãy chỉ rõ ) |  |
| Đoạn văn có cần lược bỏ từ ngữ, hoặc câu, đoạn nào không? (Nếu có hãy chỉ rõ ) |  |
| Nếu được được giá em đánh giá bạn đạt bao nhiêu điểm |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

*a. Mục tiêu:*

- Biết được kiểu bài: cảm nghĩ về một bài thơ lục bát (đã học, đã đọc, đã nghe).

- Học sinh biết nêu cảm nghĩ về nội dung và yếu tố nghệ thuật trong bài thơ lục bát

*b. Nội dung***:** GV phát vấn, HS chia sẻ.

*c. Sản phẩm***:** Nội dung trả lời của HS.

*d) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hoạt động chia sẻ? Em đã học bài thơ nào viết theo thể thơ lục bát? Em còn thuộc những bài thơ lục bát nào ngoài các bài đã học ?? Em có thích thể thơ lục bát không? Vì sao?? Hãy đọc một đoạn thơ lục bát mà em thích? Chia sẻ với thầy (cô) và các bạn vì sao em thích đoạn thơ đó?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập****HS:** chia sẻ.**GV**: - Dự kiến khó khăn HS gặp: lúng túng khi lí giải, dùng từ diễn đạt chưa thoát ý...- Giúp đỡ học sinh bằng cách đặt thêm một số câu hỏi phụ gợi ý hoặc khích lệ HS mạnh dạn chia sẻ cảm xúc:**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- GV chỉ định 3 - 5 học sinh chia sẻ- HS trình bày.- HS bày tỏ suy nghĩ về phần chia sẻ của các bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét phần chia sẻ của HS.- Kết nối với một số bài thơ đã học và một số bài ca dao, bài thơ quen thuộc với HS trong chương trình tiểu học và mầm non | - Nêu một số bài thơ lục bát hoặc một số bài ca dao đã học, đã nghe hoặc đã đọc. - Đặc điểm thơ lục bát: Thể thơ dân tộc, dễ thuộc dễ nhớ, giai điệu tha thiết, ngọt ngào đằm thắm, giàu nhạc điệu, phù hợp bộc lộ cảm xúc, dễ đi vào lòng người....- Đọc được một số đoạn thơ lục bát- Chia sẻ lí do như: thể thơ dễ thuộc dễ nhớ, âm điệu tha thiết,...; nội dung đoạn thơ thể hiện tư tưởng tình cảm.... |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**I. ĐỊNH HƯỚNG**

*a) Mục tiêu:* Nhận biết được các yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm nghĩ về một bài thơ lục bát;

 - Nêu được cảm xúc, suy nghĩ về bài thơ lục bát.

- Biết dùng từ ngữ biểu cảm, nhận xét về nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật ấn tượng trong bài thơ lục bát

*b) Nội dung:*

**-** GV hỏi, HS về xác định yêu cầu, nội dung của đề.

- HS trả lời

*c) Sản phẩm:*Các câu trả lời của học sinh

*d) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV cho HS đọc mục *Định hướng* trong SGK.- Đặt câu hỏi:+ Theo SGK, viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ lục bát là thế nào?+ Để viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ lục bát, các em cần chú ý những gì? | - Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ lục bát là nêu lên những cảm xúc và suy nghĩ của em về bài thơ đó. Người viết cần trả lời câu hỏi: Bài thơ gợi cho em những cảm nghĩ gì? Đoạn văn có thể chỉ nêu cảm nghĩ về một chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật của bài thơ lục bát mà em có ấn tượng và yêu thích.- Để viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ lục bát, các em cần chú ý:+ Đọc kĩ để hiểu bài thơ.+ Lựa chọn một yếu tố trong bài thơ mà em thấy yêu thích, thú vị nhất.+ Viết đoạn văn nêu rõ: Em thích nhất chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật nào trong bài thơ? Vì sao? |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**II. THỰC HÀNH**

*a) Mục tiêu:*

- Biết viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ lục bát: tìm ý, lập dàn ý, viết đoạn

- Tập trung vào các chi tiết đặc sắc .

- Lựa chọn từ ngữ bày tỏ xảm xúc, suy nghĩ riêng của bản thân

*b) Nội dung:*

-HS thực hiện yêu cầu trongphiếu học tập số 1, 2

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời độc lập vào phiếu.

*c) Sản phẩm:*

- Phiếu học tập đã làm của HS.

*d) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV đưa ra đề bài: *Em hãy viết một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một trong hai bài thơ lục bát: “À ơi tay mẹ”, “Về thăm mẹ” hoặc về một bài ca dao Việt Nam đã học.*- Khi viết đoạn văn cho đề văn trên chúng ta thực hiện những bước nào?- Nhiệm vụ cụ thể của từng bước là gì?**-** Gv yêu cầu HS đọc thầm lại “À ơi tay mẹ”, “ Về thăm mẹ”; giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi trong phiếu học tập số 1- GV hướng dẫn HS viết bài- Sửa lại bài sau khi đã viết xong (hoạt động theo cặp - Phiếu số 1, 2)**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****GV**: Hướng dẫn HS đọc thầm lại hai bài thơ đã học hoặc bài ca dao đã học mà HS thích - Phát phiếu học tập số 1,2- Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS.**Học sinh**:- Tìm ý và lập dàn ý theo hệ thống câu hỏi phiếu (Hoàn thiện phiếu học tập số 1 – làm việc cá nhân)- Viết bài theo yêu cầu- Trao đổi bài theo cặp kiểm tra và sửa chữa dựa theo phiếu số 1 và phiếu số 2 (làm việc theo cặp).**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- **GV**:Yêu cầu 3 HS báo cáo sản phẩm.- **HS**: Trình bày sản phẩm của mình.+ Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bài của bạn và chữa bài cảu mình (nếu cần).**Bước 4: Kết luận, nhận định**- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Chuẩn bị**- Đọc kĩ đề bài và yêu cầu của đề.- Chọn bài thơ mà em sẽ nêu cảm nghĩ.- Đọc lại bài thơ.**2. Tìm ý và lập dàn ý****\* Mở đoạn:** - Nêu tên bài thơ, tác giả, cảm nghĩ chung về bài thơ và nội dung hoặc nghệ thuật mà mình ấn tượng nhất**\* Thân đoạn:** - Bài thơ để lại cho em ấn tượng cụ thể gì về : nội dung tư tưởng tình cảm hoặc yếu tố nghệ thuật (thể hiện qua chi tiết thơ (câu thơ, hình hình ảnh...) hoặc biện pháp tu từ, từ loại, loại từ...- Em có cảm xúc như vậy là vì: Đó là những tình cảm, gợi cho em cảm xúc về....**\* Kết đoạn****-** Khái quát lại cảm nghĩ của bản thân về nội dung mình thích và ý nghĩa chung của bài thơ**3. Viết bài**- Viết thành văn theo dàn ý đã lập.- Chú ý lựa chọn các từ ngữ phù hợp để diễn tả cảm nghĩ của em về bài thơ.**4. Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết**- Kiểm tra lại đoạn văn đã viết, phát hiện các lỗi về nội dung (thiếu ý, trùng lặp ý,…) và hình thức (chính tả, ngữ pháp, liên kết câu,…)- Xác định những chỗ mắc lỗi và nêu cách sửa chữa. |

**TRẢ BÀI**

*a) Mục tiêu***:**

- Thấy được ưu điểm và nhược điểm của bài viết.

- Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.

*b) Nội dung***:**

- HS thảo luận theo cặp nhận xét bài của mình và bài của bạn.

- HS đọc bài viết, làm việc theo cặp.

*c) Sản phẩm***:** Bài đã sửa của HS.

*d) Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**- Yêu cầu HS đọc, nhận xét chữa bài theo cặp- HS chữa lại bài sau khi đã đọc lại và nhận phiếu góp ý từ bạn.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- GV giao nhiệm vụ- HS làm việc theo cặp và làm việc cá nhân- Gv thu một vài cặp ngẫu nhiên và chữa**Bước 3: Báo cáo thảo luận**- GV yêu cầu 3 -5 nhóm báo cáo kết quả thảo luận rút kinh nghiệm của cặp mình với bạn.**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**- GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết. | **-** Đoạn văn đã chỉnh sửa của HS |

 **4. Hoạt động 4 : Vận dụng**

*a) Mục tiêu:* Phát triển năng lực viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một bài thơ lục bát

*b) Nội dung:* Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

*c) Sản phẩm:*Sản phẩm của HS

*d) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)*Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một câu thơ hoặc đoạn thơ lục bát mà em thích.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****GV**:Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.**HS**:Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Nộp sản phẩm về GV sau 1 tuần **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà.*- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | *- Bài làm của HS* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:16/11/2024 | Dạy | Ngày |  16/12/2024 |
| Tiết  | 2 |
| Lớp | 6C |

**Tiết 55- NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nắm vững những yêu cầu khi trình bày ý kiến về một vấn đề bằng ngôn ngữ nói (nêu lên những suy nghĩ, nhận xét, đưa ra lí lẽ và những bằng chứng cụ thể để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình.)

- Củng cố kiến thức về các vấn đề có liên quan đến nội dung nói.

- Biết tìm ý, lập dàn ý, cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (hoặc văn học), để thông qua đó tập nói năng một cách mạnh dạn, tự nhiên, trôi chảy.

- Nắm bắt được những thông tin bài nói của các bạn, có thể đưa ra được những nhận xét, góp ý cho bạn.

**2. Năng lực**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ: tạo điều kiện để HS thể hiện tư tưởng của mình một cách trung thực nhất, tự nhiên nhất. Tôn trọng những ý kiến, cách nhìn nhận, quan điểm của cá nhân người học về các vấn đề được đặt ra.

**3. Phẩm chất:**

- *Nhân ái:* Qua tiết luyện nói và nghe, HS biết đoàn kết, nhận xét đánh giá theo hướng khích lệ, động viên.

- *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Trong việc chuẩn bị nội dung tiết nói và nghe một cách tích cực và trách nhiệm với hành vi của bản thân trong cuộc sống.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu power point, màn hình, máy tính,...

**2. Học liệu:** Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy, tài liệu tham khảo, phiếu học tập...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |
| --- |
| **1. Hoạt động 1: Khởi động*****a) Mục đích:*** Kết nối kiến thức thức thực tế với bài học, tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh. ***b) Nội dung:*** Giáo viên cho HS xem ảnh về 1 nhân vật nổi tiếng, đặt ra các câu hỏi để HS trả lời.***c) Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.***d) Tổ chức thực hiện*** |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** - GV ổn định tổ chức, cho học sinh xem hình ảnh Nick Vujicic.- HS trả lời câu hỏi: Đây là ai? Nêu những hiểu biết của em về nhân vật này?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- Tổ chức cho HS lựa chọn, trình bày ý kiến.- Học sinh trả lời câu hỏi, báo cáo sản phẩm và chia sẻ ý kiến cá nhân.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- Gọi HS nhận xét, thống nhất ý kiến.- Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học*.* |  |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới****I. ĐỊNH HƯỚNG*****a) Mục đích:*** - HS hiểu được như thế nào là trình bày ý kiến về một vấn đề.- Nắm bắt được các yêu cầu chung để trình bày ý kiến của bản thân về một vấn đề- Có kĩ năng tự tin trình bày sản phẩm của cá nhân trước nhóm, trước tập thể,…***b) Nội dung:*** ***-*** Học sinh tìm hiểu thông tin SGK, sử dụng các hình thức hoạt động nhóm, hoạt động chung cả lớp để thực hiện các nhiệm vụ.- HS trình bày sản phẩm của cá nhân, của nhóm bằng ngôn ngữ nói.***c) Sản phẩm:*** Học sinh khai thác kênh chữ, trả lời câu hỏi, báo cáo sản phẩm thảo luận và chia sẻ ý kiến cá nhân.- Chuẩn bị đề cương (dàn ý).- Rèn kĩ năng nói, nghe.- Phần chuẩn bị của HS được trình bày bằng ngôn ngữ nói, đảm bảo các yêu cầu (nội dung, hình thức, giọng điệu,…)***d) Tổ chức thực hiện*** |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** **- GV cho HS thảo luận nhóm (thời gian 3 phút)**(1) Theo em thế nào là trình bày ý kiến về 1 vấn đề?(2) Để trình bày ý kiến về 1 vấn đề, em cần làm những việc gì?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS làm việc cá nhân, thảo luận theo nhóm, suy nghĩ.- HS hình thành kĩ năng khai thác ngữ liệu trả lời.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận:**  - GV mời HS trả lời câu hỏi, báo cáo sản phẩm thảo luận và chia sẻ ý kiến cá nhân.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- Gọi HS nhận xét, thống nhất ý kiến. | **a. Trình bày ý kiến về 1 vấn đề**- Trình bày ý kiến về một vấn đề là người viết nêu lên những suy nghĩ, nhận xét đưa ra những lí lẽ và bằng chứng cụ thể để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình.- Ví dụ:+ Có người cho rằng: Việc sử dụng các từ tiếng Anh trong giao tiếp của người Việt trẻ đang làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. Ý kiến của em như thế nào?+ Em có ý kiến gì về nhận xét: “Đi tham quan, du lịch, chúng ta sẽ được mở rộng tầm mắt và học hỏi được nhiều điều”?**b. Để trình bày ý kiến của mình về một vấn đề, HS cần xác định:**- Đó là vấn đề gì? Ý kiến của em về vấn đề đó như thế nào?- Các lí lẽ và bằng chứng mà em định sử dụng để làm sáng tỏ vấn đề, thuyết phục mọi người là những gì?- Khi trình bày cần có thêm thiết bị gì?- Cần chú ý như thế nào khi nói (âm lượng, tốc độ, tư thế, thái độ và các yếu tố phi ngôn ngữ,...)? |
| **II. THỰC HÀNH*****a) Mục đích:*** - Biết tìm ý, lập dàn ý, cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (hoặc văn học), để thông qua đó tập nói năng một cách mạnh dạn, tự nhiên, trôi chảy.- Nắm bắt các thông tin bài nói của các bạn trong nhóm, trong lớp và từ đó có thể đưa ra những nhận xét, góp ý cho nội dung nói của bạn.- Có kĩ năng tự tin trình bày sản phẩm của ca nhân trước nhóm, trước tập thể,…***b) Nội dung:*** HS trình bày sản phẩm của cá nhân, của nhóm bằng ngôn ngữ nói.***c) Sản phẩm:*** Phần chuẩn bị của HS được trình bày bằng ngôn ngữ nói, đảm bảo các yêu cầu (nội dung, hình thức, giọng điệu,…)***d) Tổ chức thực hiện*** |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** - GV nêu đề bài và hướng dẫn HS thảo luận, trình bày sự chuẩn bị của cá nhân, nhóm.- Cho đề bài: Em có ý kiến gì về nhận xét: *“Đi tham quan, du lịch, chúng ta sẽ được mở rộng tầm mắt và học hỏi được nhiều điều”?*(1) Với đề bài đã cho, em cần phải chuẩn bị những gì?(2) Trình bày các ý và đề cương (dàn ý) của đề bài trên?(3) Ngoài chuẩn bị đề cương, để thực hiện tốt tiết luyện nói, em cần chuẩn bị những gì?(4) Nêu yêu cầu đối với người nói và người nghe.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV hướng dẫn HS thảo luận để tìm ra quy trình các bước trình bày ý kiến về một vấn đề.- HS dựa vào hướng dẫn của GV chuẩn bị bài nói, trình bày ý kiến của bản thân mình theo yêu cầu của đề bài trêm.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận:** - GV gọi HS đại diện cho nhóm trình bày bài nói của nhóm mình.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- Gọi HS nhận xét.- GV đưa ra nhận xét về các khía cạnh sau: nội dung, kĩ năng nói và kĩ năng nghe. | **1. Chuẩn bị**- Xác định mục đich và nội dung bài nói:+ Mục đích nói: Nêu ý kiến, quan điểm của mình về nhận xét trên.+ Nội dung nói: Những ưu điểm của việc đi tham quan, du lịch.- Sưu tầm tư liệu liên quan đến bài nói sẽ trình bày (tranh, ảnh,... về các hoạt động tham quan, du lịch).- Liên hệ bản thân và những người xung quanh về việc tham quan, du lịch. (Bản thân đã từng đi tham quan ở đâu? Vào thời gian nào? Bạn đã có được những lợi ích gì sau chuyến tham quan đó?....)**2. Tìm ý, lập dàn ý****\* Tìm ý** (đặt và trả lời cho các câu hỏi)- Tham quan, du lịch là gì? (Tham quan, du lịch là hoạt động của con người tới một hay một số nơi nào đó với những mục đích nhất định.- Mục đích của việc đi tham quan, du lịch? (Giúp con người có thời gian thư giãn, mở rộng vốn hiểu biết vủa bản thân, tạo hứng thú,...).- Hoạt động tham quan, du lịch mang lại cho người tham gia những gì (về tình cảm, về nhận thức và kinh nghiệm)? + Về tình cảm: Khơi gợi tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước,...+ Về nhận thức: Yêu và trân trọng cái đẹp, tự hào, bảo vệ và phát huy những vẻ đẹp của quê hương,...+ Về kinh nghiệm: Phong phú thêm vốn sống, vốn hiểu biết của con người; biết lập kế hoach và tổ chức các hoạt động trải nghiệm khác,...- Nên đi tham quan, du lịch như thế nào cho phù hợp và hiệu quả? (Cân nhắc về thời gian, mục đích, sự an toàn và kinh tế,...)**\* Lập dàn ý:**- Mở đầu: Giới thiệu được họ, tên và vấn đề cần trình bày ý kiến của bản thân.- Nội dung chính:+ Nêu ý kiến của bản thân về vấn đề được đặt ra (trong cuộc sống có nhiều cách để con người có thể làm phong phú vốn hiểu biết của bản thân. Một trong số những cách đó là việc tham quan, du lịch.)+ Giải thích tham quan, du lịch là gì? (VD: Tham quan, du lịch là đi thăm những vùng đất mới, những danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử hoặc các viện bảo tàng, khu triển lãm, trường học, doanh nghiệp,…)+ Nêu ích lợi của hoạt động tham quan, du lịch (mở mang vốn hiểu biết của bản thân, có thời gian thư giãn, ngắm nhìn vẻ đẹp của quê hương đất nước,...)+ Nên đi tham quan, du lịch như thế nào cho phù hợp và hiệu quả? (xây dựng kế hoạch cụ thể, chuẩn bị đầy đủ, đảm bảo an toàn, luôn có ý thức học hỏi, tìm hiểu và ghi chép,...)- Kết thúc:+ Khẳng định lại ý kiến của mình về lợi ích của việc tham quan, du lịch. + Nêu nguyện vọng và dự định của bản thân nếu được đi tham quan, du lịch.**3. Nói và nghe:****- Người nói:** **+** Phong thái bình tĩnh, tự tin, thân thiện. + Đảm bảo kết cấu của một bài nói (có lời mở đầu, kết thúc)+ Trình bày nội dung ngắn gọn, rõ ràng với ngôn ngữ chính xác, trong sáng, có tính biểu cảm.+ Kết hợp cử chỉ, điệu bộ, thái độ một cách phù hợp.**- Người nghe:** + Thể hiện thái độ tôn trọng người nói. + Chú ý lắng nghe nắm bắt những nội dung chính của bài nói.+ Mạnh dạn nhận xét, góp ý mang tính xây dựng khi được yêu cầu.**4. Kiểm tra và chỉnh sửa:**- Người nói: Xem xét bài nói đã đầy đủ các ý có trong dàn bài chưa, còn thiếu nội dung nào, có mắc các lỗi về cách trình bày không,…- Người nghe: Kiểm tra các thông tin thu được từ người nói, tự xác định các lỗi cần khắc phục khi nghe.  |
| **THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE*****a) Mục đích:*** Dựa vào dàn ý rèn kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề trước tập thể, kĩ năng nhận xét và kĩ năng xây dựng, dẫn chương trình,...***b) Nội dung:*** Hướng dẫn HS trình bày sản phẩm trong nhóm, trước lớp bằng ngôn ngữ nói và nhận xét, cho điểm,...***c) Sản phẩm:*** Phần trình bày, nhận xét của HS.***d) Tổ chức thực hiện*** |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm đạt được**  |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** (1) *Giáo viên yêu cầu mỗi nhóm chọn ra 3 Hs nói trong nhóm cho các bạn góp ý.* (2) *Gv tổ chức cuộc thi “****Em là nhà hùng biện”****:****\* Phân vai:****+ Gv đóng vai người dẫn chương trình, trưởng ban tổ chức.**+ Mỗi nhóm cử 1 Hs tham gia cuộc thi, 1 Hs tham gia ban thư kí.**+ Hs còn lại trong lớp đóng vai khán giả + giám khảo.* (HS nghe nhận xét, đánh giá vào phiếu theo tiêu chí đã hướng dẫn)PHIẾU NHẬN XÉT

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên** | **Nội dung** | **Diễn đạt** | **Tác phong** | **Điểm** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập*****\* Cách thức tiến hành:***- Người dẫn chương trình giới thiệu từng thí sinh lên thi.- Sau khi mỗi thí sinh kết thúc phần thi sẽ tiếp tục đứng trên sân khấu nghe lời nhận xét góp ý của khán giả.- Giám khảo sẽ lựa chọn mức điểm cho thí sinh bằng cách giơ tay (MC đọc từng mức điểm cho GK lựa chọn)- Thư kí tổng hợp điểm (Điểm của thí sinh là điểm trung bình của các GK)- Trưởng ban tổ chức tổng kết, đánh giá, thông báo kết quả, tuyên dương, khen thưởng.- Gv quan sát, nhắc nhở, hỗ trợ các nhóm học tập**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận:**- Học sinh đại diện nhóm báo cáo sản phẩm thảo luận và chia sẻ ý kiến cá nhân.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- HS nêu cảm nghĩ sau khi được luyện nói trong tình huống trải nghiệm: tham gia một cuộc thi.- Gv rút kinh nghiệm, hướng dẫn Hs kĩ năng tổ chức, tham gia các hoạt động trải nghiệm.  | **1. Luyện nói trong nhóm****2. Luyện nói trước lớp** *Cuộc thi “****Em là nhà hùng biện”*** |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng***a) Mục tiêu:* HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng linh hoạt kiến thức đó vào thực hiện bài tập GV giao.*b) Nội dung:* Phần nhiệm vụ GV giao, hoạt động cá nhân để thực hiện và hoàn thành phiếu học tập.*c) Sản phẩm:* Phần làm việc và phiếu học tập của học sinh đã hoàn thiện.*d) Tổ chức thực hiện:***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**- HS trả lời nhanh các câu hỏi phần tự đánh giá.- ***Tình huống giả định***: Tổ chức một diễn đàn văn học với chủ đề **“Đi tìm cái hay, cái đẹp trong tác phẩm văn chương**”. Em hãy chuẩn bị một bài nói để tham gia diễn đàn đó. (*GV gợi ý: Hs vận dụng các thao tác lập luận đã học để bàn về cái hay, cái đẹp có trong tác phẩm văn chương đó...)*. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS nghe câu hỏi, làm việc cá nhân, nhóm, suy nghĩ, trả lời.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận:**- Học sinh trả lời câu hỏi, báo cáo sản phẩm thảo luận và chia sẻ ý kiến cá nhân.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- Gọi HS nhận xét ý kiến của bạn, thống nhất.- GV tổng hợp - kết luận.- Chuẩn bị bài: **Văn bản thông tin:** HS tìm hiểu những thông tin về tác giả Hồ Chí Minh, tác phẩm “Hồ Chí Minh và tuyên ngôn Độc lập” và nội dung, nghệ thuật của văn bản thông tin đó,... |